

Bản án số: 281/2026/DS-ST
Ngày 26 - 6 - 2026
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 536/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 404/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: ấp BT, xã CN, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: ấp BT, xã CN, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Huỳnh Văn T trình bày: Ngày 22/4/2026, ông T1 có thuê ông làm nhà cơ bản và ông có mượn ông T1 số tiền 3.000.000đ để mua ván thông đóng cốt pha. Ông mua 11 tấm ván thông ngang 20cm, dài 04m, dày 02cm và 10 ván thông ngang 15cm, dài 04m, dày 02cm rồi gửi ông T1 giữ dùm. Sau đó, giữa ông với ông T1 không còn hợp tác xây dựng nhà. Ông T1 yêu cầu ông trả số tiền 3.000.000đ, ông đã trả xong số tiền cho ông T1, nhưng ông T1 không cho ông lấy số ván đã gửi. Nay ông yêu cầu anh T1 trả 11 tấm ván thông ngang 20cm, dài 04m, dày

02cm và 10 ván thông ngang 15cm, dài 04m, dày 02cm. Tổng trị giá của tài sản ông yêu cầu là 2.530.000đ.

Ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Ông với ông T hợp đồng đồng xây dựng nhà. Theo hợp đồng, ông T xây dựng nhà trộn hồ bằng máy dầu, nhưng khi đến xây dựng ông T chở máy trộn hồ bằng điện. Ông có hỏi ông T là thỏa thuận là trộn hồ bằng máy dầu, sao giờ lại trộn hồ bằng điện nên ông T bỏ về, không xây dựng nhà cho ông. Trước đó, ông có cho ông T mượn số tiền 3.000.000đ để mau ván. Số tiền 3.000.000đ ông T mượn đã trả xong cho ông. Hiện ông có giữ 06 tấm ván thông ngang 20cm, dài 04m, 04 tấm ván thông ngang 15cm, dài 04m. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa:

Ông T giữ nguyên yêu cầu.

Ông T1 đồng ý trả cho ông T 06 tấm ván thông ngang 20cm, dài 04m, 04 tấm ván thông ngang 15cm, dài 04m.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Buộc ông T1 trả cho ông T 11 tấm ván thông ngang 20cm, dài 04m, dày 02cm; 10 ván thông ngang 15cm, dài 04m, dày 02cm; án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Huỳnh Văn T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 là vụ kiện tranh chấp đòi lại tài sản, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông T khởi kiện yêu cầu ông T1 trả số tài sản là 11 tấm ván thông ngang 20cm, dài 04m, dày 02cm và 10 tấm ván thông ngang 15cm, dài 04m, dày 02cm mà khi thỏa thuận xây dựng nhà ông T gửi ông T1 giữ dùm. Ông T1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T. Ông T1 không thừa nhận có giữ dùm ông T số tài sản mà ông T yêu cầu. Ông T1 cho rằng do ông T không tiếp tục xây dựng nhà, ông phải thuê người khác giá cao hơn làm thiệt hại cho ông. Mà thiệt hại đó không thỏa thuận được với ông T, nên ông không cho ông T lấy số tài sản ông đang giữ là 06 tấm ván thông ngang 20cm, dài 04m và 04 tấm ván thông ngang 15cm, dài 04m.

Xét thấy: Theo biên bản ghi nhận sự việc do ông Nguyễn Hoàng P – Tổ Trưởng an ninh trật tự ấp Bình Thành lập lúc 16 giờ 10 phút ngày 23/4/2026 thể hiện số lượng tài sản phù hợp với lời trình bày của ông T. Tuy nhiên, ông T1 có cung cấp biên bản ghi nhận sự việc do ông P lập lúc 17 giờ 30 phút ngày 27/5/2026 thể hiện số lượng tài sản phù hợp với lời trình bày của ông T1. Thấy rằng: Biên bản ghi nhận sự việc ngày 23/4/2026 được lập sau khi sự việc ông T1 không cho ông T lấy tài sản xảy ra. Còn biên bản ghi nhận sự việc ngày 27/5/2026 do ông T1 cung cấp được lập khi sự việc đã xảy ra thời gian lâu, việc ông T1 trình báo sự việc với ông P là sau buổi hòa giải tại Tòa án khu vực 4 – Cà Mau. Mặt khác, số lượng tài sản mà ông T cho rằng ông T1 giữ không cho ông lấy cũng phù hợp với số lượng anh Trần Chí N chủ vựa cây “Chí N” đã bán cho ông T để phục vụ công việc xây dựng nhà cho ông T1.

Tuy nhiên, theo lời khai của ông P là thời điểm ông T trình báo do trời tối nên ông không đến nhà ông T1 xem xét sự việc. Ngày hôm sau ông có đến, nhưng ông T1 không có mặt tại nhà. Mặt khác, biên bản sự việc do ông P lập cũng chưa hợp pháp. Bởi vì: Biên bản không được lập tại nơi xảy ra sự việc, ông T là người liên quan, nhưng ông T không có ký tên trong biên bản. Ngoài những chứng cứ nêu trên, ông T không có chứng cứ khác chứng minh ông T1 đang giữ số tài sản ông yêu cầu. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết ông T1 thừa nhận có giữ 06 tấm ván thông ngang 20cm, dài 04m, 04 tấm ván thông ngang 15cm, dài 04m của ông Thắng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T.

[4] Xét về án phí dân sự: Ông T, ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn T 06 (sáu) tấm ván thông ngang 20cm (hai mươi centimét), dài 04m (bốn mét), dày 02cm (hai centimét); 04 (bốn) tấm ván thông ngang 15cm (mười lăm centimét), dài 04m (bốn mét), dày 02cm (hai centimét).

2. Về án phí dân sự:

2.1. Ông Huỳnh Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng

theo biên lai số 0005861 ngày 11 tháng 5 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau; ông Huỳnh Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKS nhân dân khu vực 4 – Cà Mau
- Phòng THA dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh